

**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 121/BINHPHUOC.APC
V/v đề nghị đăng nội dung thông báo đấu
giá tài sản

Bình Phước, ngày 18 tháng 9 năm 2023

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 178/ngày..../....

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 21/HĐ-BINHPHUOC.APC ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 22/HĐ-BINHPHUOC.APC ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập về việc đấu giá tài sản là Quyền sử dụng đất 222 lô (thửa) đất thuộc Khu dân cư thôn 6, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước và Quyền sử dụng đất 23 lô (thửa) đất thuộc khu Thương mại - Dịch vụ xã Đăk O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Nhằm tăng mức độ phổ biến của thông tin đấu giá các tài sản trên tới người dân trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước kính đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Phước cho phép đăng nội dung thông báo đấu giá tài sản lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Bình Phước.

Kính mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của quý Sở.

Trân trọng cảm ơn!

(kèm theo: thông báo đấu giá tài sản số 119/TB-BINHPHUOC.APC ngày 18/9/2023 và thông báo đấu giá tài sản số 120/TB-BINHPHUOC.APC ngày 18/9/2023 của Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước;)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Huỳnh Văn Phú

Số: 119/TB-BINHPHUOC.APC

Bình Phước, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**THÔNG BÁO
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số 21/HĐ-BINHPHUOC.APC ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập.

Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước thông báo đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản: Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước, địa chỉ: đường Tô Hiệu, khu phố Tân Trà 1, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Người có tài sản đấu giá: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập, đ/c: Xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Thông tin về tài sản (bán riêng từng lô đất): Quyền sử dụng đất 222 lô (thửa) đất thuộc Khu dân cư thôn 6, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích đấu giá quyền sử dụng đất: 30.868,2m².
- Mục đích sử dụng: đất ở nông thôn.
- Hình thức sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng: ổn định lâu dài.
- Hạ tầng kỹ thuật: đã được đầu tư cơ bản hoàn thiện.
- Địa điểm: thôn 6, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước.

Tổng giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 106.725.372.000 đồng (Một trăm lẻ sáu tỷ, bảy trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

(kèm theo danh sách chi tiết 222 thửa đất)

4. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ tham gia đấu giá: Từ ngày 19/9/2023 đến 17h00 ngày 06/10/2023 (trong giờ hành chính) tại Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập.

5. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước:

a. Tiền mua hồ sơ:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000

2	Từ trên 500 triệu đồng	500.000
---	------------------------	---------

b. Tiền đặt trước: 20% (hai mươi phần trăm) giá khởi điểm của tài sản đấu giá.

Người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản thanh toán riêng của Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước số: **119002689994** tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bình Phước (VIETINBANK).

Thời gian thu tiền đặt trước: Từ ngày 04/10/2023 đến 17h00 ngày 06/10/2023. Tuy nhiên, người tham gia đấu giá có quyền nộp trước thời gian quy định theo nguyện vọng.

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

a. Thời gian xem tài sản: Từ ngày 26/9/2023 đến ngày 27/9/2023 (trong giờ hành chính).

b. Địa điểm: thôn 6, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước.

7. Thời gian, địa điểm, cách thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

- Thời gian nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Từ ngày 19/9/2023 đến 17h00 ngày 06/9/2023 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: Tại Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phước hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập.

- Cách thức nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá: nộp trực tiếp tại Công ty đấu giá Hợp danh Bình Phước hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập.

8. Đối tượng tham gia đấu giá:

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, có nhu cầu sử dụng đất làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tham gia đấu giá theo khoản 4, Điều 38 Luật đấu giá tài sản năm 2016.

- Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá.

- Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

9. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá

- Thuộc đối tượng tham gia đấu giá.

- Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu (do Công ty phát hành);

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và nộp các khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ đấu giá theo đúng thời gian quy định khi đăng ký tham gia đấu giá;

10. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

- Thời gian tổ chức cuộc đấu giá: 13 giờ 30 phút, ngày 09/10/2023

- Địa điểm tổ chức cuộc đấu giá: Hội trường Trung tâm Văn hóa huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (địa chỉ: thôn Khắc Khoan, xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước).

11. Hình thức, phương thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá. Số vòng: 03 (ba) vòng.

- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

12. Liên hệ: Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước; ĐT: 02716.26.27.28, 0985421677, 0981313512 hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập - ĐT: 0917.151.285 hoặc UBND xã Đa Kì.

Vậy, Công ty Đấu giá hợp danh Bình Phước thông báo đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân được biết và liên hệ đăng ký tham gia đấu giá.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bù Gia Mập;
- UBND xã Đa Kì;
- Trang Web Tài sản công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Lưu: VT, HS.



Huỳnh Văn Phú

BẢNG TỔNG HỢP 222 LÔ ĐẤT THUỘC KHU DÂN CƯ
THÔN 6, XÃ ĐÀ KIA, HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo thông báo số 119/TB-BINHPHUOC.APC ngày 18/9/2023 của Công ty Đầu giá hợp danh Bình Phước)

STT	Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích lô (m2/lô)	Giá khởi điểm	Tiền đặt trước (đồng) (20% GKĐ)
CỤM LK-3			2.517,8	9.464.367.000	1.892.873.400
1	52	152	112,0	335.936.000	67.187.200
2	52	153	100,0	249.953.000	49.990.600
3	52	154	100,0	249.953.000	49.990.600
4	52	155	100,0	249.953.000	49.990.600
5	52	156	100,0	249.953.000	49.990.600
6	52	157	100,0	249.953.000	49.990.600
7	52	158	100,0	249.953.000	49.990.600
8	52	159	100,0	249.953.000	49.990.600
9	52	160	100,0	249.953.000	49.990.600
10	52	161	100,0	249.953.000	49.990.600
11	52	162	100,0	249.953.000	49.990.600
12	52	163	110,0	302.443.000	60.488.600
13	52	198	116,6	665.187.000	133.037.400
14	52	199	107,2	509.635.000	101.927.000
15	52	200	107,0	508.684.000	101.736.800
16	52	201	106,6	506.782.000	101.356.400
17	52	202	106,3	505.356.000	101.071.200
18	52	203	106,2	504.881.000	100.976.200
19	52	204	106,1	504.405.000	100.881.000
20	52	205	106,0	503.930.000	100.786.000
21	52	206	105,9	503.454.000	100.690.800
22	52	207	105,8	502.979.000	100.595.800
23	52	208	105,8	502.979.000	100.595.800
24	52	209	116,3	608.186.000	121.637.200
CỤM LK-4			2.306,9	8.691.850.000	1.738.370.000
1	52	165	110,0	302.443.000	60.488.600
2	52	166	100,0	249.953.000	49.990.600
3	52	167	100,0	249.953.000	49.990.600
4	52	168	100,0	249.953.000	49.990.600
5	52	169	100,0	249.953.000	49.990.600
6	52	170	100,0	249.953.000	49.990.600
7	52	171	100,0	249.953.000	49.990.600
8	52	172	100,0	249.953.000	49.990.600
9	52	173	100,0	249.953.000	49.990.600
10	52	174	100,0	249.953.000	49.990.600

11	52	175	112,0	335.936.000	67.187.200
12	52	210	116,1	607.140.000	121.428.000
13	52	211	105,5	501.553.000	100.310.600
14	52	212	105,4	501.077.000	100.215.400
15	52	213	105,3	500.602.000	100.120.400
16	52	214	105,2	500.127.000	100.025.400
17	52	215	105,2	500.127.000	100.025.400
18	52	216	105,2	500.127.000	100.025.400
19	52	217	105,2	500.127.000	100.025.400
20	52	218	105,1	499.651.000	99.930.200
21	52	219	105,1	499.651.000	99.930.200
22	52	220	121,6	693.712.000	138.742.400
CUM LK-5			2.295,4	8.629.236.090	1.725.847.200
1	52	176	112,0	335.936.000	67.187.200
2	52	177	100,0	249.953.000	49.990.600
3	52	178	100,0	249.953.000	49.990.600
4	52	179	100,0	249.953.000	49.990.600
5	52	180	100,0	249.953.000	49.990.600
6	52	181	100,0	249.953.000	49.990.600
7	52	182	100,0	249.953.000	49.990.600
8	52	183	100,0	249.953.000	49.990.600
9	52	184	100,0	249.953.000	49.990.600
10	52	185	100,0	249.953.000	49.990.600
11	52	186	110,0	302.443.000	60.488.600
12	52	222	113,5	647.502.000	129.500.400
13	52	223	104,9	498.700.000	99.740.000
14	52	224	104,9	498.700.000	99.740.000
15	52	225	104,9	498.700.000	99.740.000
16	52	226	104,9	498.700.000	99.740.000
17	52	227	104,9	498.700.000	99.740.000
18	52	228	104,9	498.700.000	99.740.000
19	52	229	104,9	498.700.000	99.740.000
20	52	230	105,0	499.176.000	99.835.200
21	52	231	105,0	499.176.000	99.835.200
22	52	232	115,6	604.526.000	120.905.200
CUM LK-6			2.094,5	7.520.479.000	1.504.095.800
1	52	188	110,0	302.443.000	60.488.600
2	52	189	100,0	249.953.000	49.990.600
3	52	190	100,0	249.953.000	49.990.600
4	52	191	100,0	249.953.000	49.990.600
5	52	192	100,0	249.953.000	49.990.600
6	52	193	100,0	249.953.000	49.990.600

7	52	194	105,0	305.414.000	61.082.800
8	52	195	105,0	305.414.000	61.082.800
9	52	196	105,0	305.414.000	61.082.800
10	52	197	105,0	305.414.000	61.082.800
11	52	150	97,0	338.573.000	67.714.600
12	52	151	105,0	305.414.000	61.082.800
13	52	233	115,7	605.049.000	121.009.800
14	52	234	105,2	500.127.000	100.025.400
15	52	235	105,2	500.127.000	100.025.400
16	52	236	105,3	500.602.000	100.120.400
17	52	237	105,3	500.602.000	100.120.400
18	52	238	105,3	500.602.000	100.120.400
19	52	239	105,0	305.414.000	61.082.800
20	52	240	115,5	690.105.000	138.021.000
CỤM LK-7			2.090,8	7.500.426.000	1.500.085.200
1	53	269	105,0	305.414.000	61.082.800
2	53	270	97,0	338.573.000	67.714.600
3	53	272	105,0	305.414.000	61.082.800
4	53	273	105,0	305.414.000	61.082.800
5	53	274	105,0	305.414.000	61.082.800
6	53	275	105,0	305.414.000	61.082.800
7	53	276	100,0	249.953.000	49.990.600
8	53	277	100,0	249.953.000	49.990.600
9	53	278	100,0	249.953.000	49.990.600
10	53	279	100,0	249.953.000	49.990.600
11	53	280	100,0	249.953.000	49.990.600
12	53	281	110,0	302.443.000	60.488.600
13	53	295	105,0	305.414.000	61.082.800
14	53	296	113,6	678.753.000	135.750.600
15	53	297	105,0	499.176.000	99.835.200
16	53	298	105,0	499.176.000	99.835.200
17	53	299	105,0	499.176.000	99.835.200
18	53	300	104,9	498.700.000	99.740.000
19	53	301	104,9	498.700.000	99.740.000
20	53	302	115,4	603.480.000	120.696.000
CỤM LK-8			2.299,3	8.654.436.000	1.730.887.200
1	53	283	110,0	302.443.000	60.488.600
2	53	284	100,0	249.953.000	49.990.600
3	53	285	100,0	249.953.000	49.990.600
4	53	286	100,0	249.953.000	49.990.600
5	53	287	100,0	249.953.000	49.990.600
6	53	288	100,0	249.953.000	49.990.600

7	53	289	100,0	249.953.000	49.990.600
8	53	290	100,0	249.953.000	49.990.600
9	53	291	100,0	249.953.000	49.990.600
10	53	292	100,0	249.953.000	49.990.600
11	53	293	112,0	335.936.000	67.187.200
12	53	303	115,4	603.480.000	120.696.000
13	53	304	104,8	498.225.000	99.645.000
14	53	305	104,8	498.225.000	99.645.000
15	53	306	104,7	497.750.000	99.550.000
16	53	307	104,7	497.750.000	99.550.000
17	53	308	104,6	497.274.000	99.454.800
18	53	309	104,5	496.799.000	99.359.800
19	53	310	104,5	496.799.000	99.359.800
20	53	311	104,4	496.323.000	99.264.600
21	53	312	104,3	495.848.000	99.169.600
22	53	313	120,6	688.007.000	137.601.400
CỤM LK-9			2.285,4	8.580.318.000	1.716.063.600
1	54	326	112,0	335.936.000	67.187.200
2	54	327	100,0	249.953.000	49.990.600
3	54	328	100,0	249.953.000	49.990.600
4	54	329	100,0	249.953.000	49.990.600
5	54	330	100,0	249.953.000	49.990.600
6	54	331	100,0	249.953.000	49.990.600
7	54	332	100,0	249.953.000	49.990.600
8	54	333	100,0	249.953.000	49.990.600
9	54	334	100,0	249.953.000	49.990.600
10	54	335	100,0	249.953.000	49.990.600
11	54	336	110,0	302.443.000	60.488.600
12	54	348	112,3	640.656.000	128.131.200
13	54	349	103,9	493.946.000	98.789.200
14	54	350	103,9	493.946.000	98.789.200
15	54	351	103,8	493.471.000	98.694.200
16	54	352	103,8	493.471.000	98.694.200
17	54	353	103,9	493.946.000	98.789.200
18	54	354	104,0	494.422.000	98.884.400
19	54	355	104,1	494.897.000	98.979.400
20	54	356	104,2	495.373.000	99.074.600
21	54	357	104,4	496.323.000	99.264.600
22	54	358	115,1	601.911.000	120.382.200
CỤM LK-10			2.296,6	8.781.910.000	1.756.382.000
1	54	338	110,0	302.443.000	60.488.600
2	54	339	100,0	249.953.000	49.990.600

3	54	340	100,0	249.953.000	49.990.600
4	54	341	100,0	249.953.000	49.990.600
5	54	342	100,0	249.953.000	49.990.600
6	54	343	100,0	249.953.000	49.990.600
7	54	344	100,0	249.953.000	49.990.600
8	54	345	100,0	249.953.000	49.990.600
9	54	346	100,0	249.953.000	49.990.600
10	54	347	193,2	579.490.000	115.898.000
11	54	359	116,2	607.663.000	121.532.600
12	54	360	106,3	505.356.000	101.071.200
13	54	361	107,6	511.536.000	102.307.200
14	54	362	109,0	518.192.000	103.638.400
15	54	363	110,4	524.848.000	104.969.600
16	54	364	112,1	532.930.000	106.586.000
17	54	365	114,6	544.815.000	108.963.000
18	54	366	117,1	556.700.000	111.340.000
19	54	367	119,6	568.585.000	113.717.000
20	54	368	180,5	1.029.728.000	205.945.600
CUM BT-1			8.758,1	22.102.782.000	4.420.556.400
1	53	241	214,6	536.398.000	107.279.600
2	53	242	192,8	481.909.000	96.381.800
3	53	243	194,1	485.158.000	97.031.600
4	53	244	195,4	488.408.000	97.681.600
5	53	245	196,7	517.518.000	103.503.600
6	53	246	198,0	520.938.000	104.187.600
7	53	247	199,3	524.359.000	104.871.800
8	53	248	200,6	527.779.000	105.555.800
9	53	249	201,9	531.199.000	106.239.800
10	53	250	203,2	534.620.000	106.924.000
11	53	251	204,5	538.040.000	107.608.000
12	53	252	205,8	541.460.000	108.292.000
13	53	253	207,1	517.652.000	103.530.400
14	53	254	208,4	520.901.000	104.180.200
15	53	255	209,8	524.401.000	104.880.200
16	53	256	211,0	527.400.000	105.480.000
17	53	257	212,4	530.900.000	106.180.000
18	53	258	213,7	534.149.000	106.829.800
19	53	259	215,0	537.398.000	107.479.600
20	53	260	216,3	540.648.000	108.129.600
21	53	261	217,6	543.897.000	108.779.400
22	53	262	218,9	547.146.000	109.429.200
23	53	263	220,2	550.396.000	110.079.200

24	53	264	221,5	553.645.000	110.729.000
25	53	265	222,8	556.895.000	111.379.000
26	53	266	224,1	560.144.000	112.028.800
27	53	267	225,4	563.393.000	112.678.600
28	53	268	226,7	566.643.000	113.328.600
29	54	314	228,0	569.892.000	113.978.400
30	54	315	229,3	573.142.000	114.628.400
31	54	316	230,6	576.391.000	115.278.200
32	54	317	231,9	579.640.000	115.928.000
33	54	318	233,2	582.890.000	116.578.000
34	54	319	234,6	586.389.000	117.277.800
35	54	320	235,9	589.638.000	117.927.600
36	54	321	237,2	592.888.000	118.577.600
37	54	322	237,4	593.388.000	118.677.600
38	54	323	232,6	581.390.000	116.278.000
39	54	324	227,1	567.643.000	113.528.600
40	54	325	322,5	806.097.000	161.219.400
CỤM BT-2			3.923,4	16.799.568.000	3.359.913.600
1	54	369	483,3	2.184.439.000	436.887.800
2	54	370	392,7	1.774.941.000	354.988.200
3	54	371	420,5	1.900.593.000	380.118.600
4	54	372	446,0	2.015.849.000	403.169.800
5	54	373	467,1	2.111.217.000	422.243.400
6	54	374	474,5	2.144.664.000	428.932.800
7	54	375	390,1	1.469.325.000	293.865.000
8	54	376	305,9	1.152.182.000	230.436.400
9	54	377	275,5	1.037.680.000	207.536.000
10	54	378	267,8	1.008.678.000	201.735.600
222 lô	TỔNG CỘNG		30.868,2	106.725.372.000	21.345.074.400

